

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 11 - 2022

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thắng và bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1989

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1991

Nơi ĐKKHTT: Tổ dân phố B, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Chỗ ở hiện nay: Tổ T, phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29 tháng 8 năm 2022, Bản tự khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị H có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 03 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình

cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên xin được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống anh và chị H không có con chung và tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng

Về phía bị đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn đúng như anh T đã trình bày. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T làm đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Thị H, như vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trần Thị H có ĐKKHTT tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn chị Trần Thị H nhưng chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Trần Thị H

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm, không ai quan tâm đến ai, anh T và chị H đều xác định không còn tình cảm với nhau. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị H là phù hợp.

[3] Về con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống anh T và chị H không có con chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị H
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, xử cho anh Nguyễn Văn T ly hôn với chị Trần Thị H
3. Về con chung và tài sản chung: Không xem xét
4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003446 ngày 03 tháng 10 năm 2022.
5. Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thắng Đoàn Thị Thái

Phan Anh Đức

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hòa Hoàng Công Nghĩa Phan Anh Đức